

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2026

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Trần Lệ Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ X**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số E, tổ B, ấp T, phường V, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Danh T**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số E, tổ B, ấp T, phường V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2025 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X trình bày: Bà và ông Danh T tự quen biết, yêu thương nhau, bắt đầu chung sống từ năm 2020, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/6/2021.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông Danh T có hành vi bạo lực gia đình, mỗi khi đi ghe biển về là thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông nên đánh đập bà X. Cảm thấy

không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Danh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà X cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử hôm nay, bị đơn – ông Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X yêu cầu ly hôn đối với bị đơn – ông Danh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang). Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh An Giang.

[3] Bị đơn – ông Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Danh T.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà X và ông T tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/6/2021; như vậy, việc kết hôn của bà X và ông T đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông Danh T có hành vi bạo lực gia đình,

mỗi khi đi ghe biển về là thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông nên đánh đập bà X. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – bà X đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – ông T không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[2] Về con chung: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010385, ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên bà X không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Mỹ X được ly hôn với ông Danh T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ X xác định không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Trần Thị Mỹ X phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010385, ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên bà X không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND P. Vĩnh Thông, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Kim Sang Trần Lệ Nga Đào Đức Luân

